CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SINH HOẠT
Số: ..... /HĐDVCN

TÊN KHÁCH HÀNG: .....

ĐỊA CHỈ: .....

MÃ KHÁCH HÀNG: .....

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM DV VÀ VẬT TƯ THIẾT BỊ AN NGUYÊN

Địa chỉ: Tầng 3 căn biệt thự số 320 (Thửa BT3-01), lô BT3 thuộc lô đất P1-RM2, khu đô thị Công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Phường Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Căn cứ:

- *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/06/2023;*
- *Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;*
- *Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011;*
- *Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*
- *Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.*

Tại Hải Phòng, ngày….. tháng …… năm……, Chúng tôi gồm có:

1. BÊN A: BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- Tên khách hàng: ……..
- Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp: ……..
- Điện thoại: …… Email: ……..
- Số tài khoản: …… Tại: ……..
- Mã số thuế: .....
- Nơi ở/ Trụ sở: ……..
- Địa chỉ sử dụng dịch vụ: ……..
- Đại diện là Ông/(Bà): ……..

(Theo Giấy ủy quyền số: ……..ngày ……)

2. BÊN B: BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬT TƯ THIẾT BỊ AN NGUYÊN

- Đại diện là Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

(Theo Giấy ủy quyền số: …….. ngày ……)

- Trụ sở: .....
- Số tài khoản:……
- Mã số thuế: 0201958480
- Điện thoại: ……

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt với những nội dung sau:

ĐIỀU 1. MÔ TẢ DỊCH VỤ

1.1. Dịch vụ cấp nước

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng nước sinh hoạt của Bên B qua hệ thống cấp nước chung và đồng hồ đo nước được lắp đặt tại địa chỉ mua nước của Bên A.

1.2. Phạm vi cung cấp

Cấp nước tới điểm đấu nối (đồng hồ đo nước) được lắp đặt tại địa chỉ mua nước của Bên A trong ranh giới thuộc Dự án Khu Đô thị Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng.

1.3. Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ cấp nước

1.3.1. Chất lượng nước

Chất lượng nước sinh hoạt của Bên B cung cấp đến điểm đấu nối (đồng hồ đo nước) cấp nước cho Bên A đảm bảo phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.3.2. Thời gian cấp nước

Liên tục 24 giờ/ngày (trừ các trường hợp nêu tại Điều 7.1 và 7.2 của Hợp đồng này)

1.3.3. Áp lực nước

Tối thiểu 10 mét cột nước theo điều kiện cấp nước tại khu vực có địa điểm mua nước của Bên A.

1.4. Các dịch vụ kèm theo

1.4.1. Đấu nối và lắp đặt đồng hồ đo nước.

1.4.2. Di chuyển, thay thế đồng hồ đo nước.

1.4.3. Sửa chữa, thay thế đường ống, phụ tùng, thiết bị cấp nước.

1.4.4. Tìm kiếm điểm rò rỉ gây thất thoát nước.

1.4.5. Kiểm tra chất lượng nước tới điểm đấu nối cấp nước.

1.4.6. Các dịch vụ khác do Bên B cung cấp theo yêu cầu của Bên A liên quan đến dịch vụ cấp nước.

1.5. Điều kiện cung cấp dịch vụ

1.5.1. Bên A là chủ sở hữu (i); người quản lý, sử dụng đối với nhà, đất, bất động sản khác tại địa chỉ sử dụng dịch vụ (ii); được sự đồng ý của chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng hợp pháp của bất động sản đó (iii); hoặc có điểm sử dụng nước hợp pháp khác.

1.5.2. Bên A không thuộc các trường hợp không được cấp nước do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.6. Trình tự, thủ tục cung cấp dịch vụ

Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu cung cấp dịch vụ của Bên A được thực hiện theo các quy định, quy trình do Bên B ban hành phù hợp quy định của pháp luật.

1.7. Điểm đấu nối

1.7.1. Điểm đấu nối để cấp nước cho Bên A do Bên B thiết lập trên mạng lưới nước cấp của Bên B tại vị trí phù hợp với quy định.

1.7.2. Trường hợp Bên A là cá nhân hoặc một hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt được Bên B thiết lập điểm đấu nối cấp nước lắp đặt đồng hồ đo nước cỡ D15

ĐIỀU 2. GIÁ DỊCH VỤ

2.1. Giá nước sinh hoạt

Giá nước sinh hoạt được tính theo đơn vị là Việt Nam đồng/mét khối (đ/m3) theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Điều chỉnh giá nước sinh hoạt

2.2.1. Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá nước sinh hoạt, Bên B thông báo cho Bên A ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày áp dụng giá nước thay đổi bằng các hình thức thông báo ghi tại Điều 10 của Hợp đồng này. Hai Bên sẽ áp dụng giá mới ngay khi có hiệu lực mà không phải ký lại hợp đồng.

2.2.2. Giá các dịch vụ kèm theo:

Giá các dịch vụ kèm theo do Bên B xây dựng theo quy định của pháp luật và thông báo để Bên A biết và thực hiện bao gồm:

- Đấu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước.
- Di chuyển, thay thế đồng hồ đo nước.
- Sửa chữa, thay thế đường ống, phụ tùng, thiết bị cấp nước.
- Tìm kiếm điểm rò rỉ gây thất thoát nước.
- Kiểm tra chất lượng nước tới điểm đấu nối cấp nước.
- Các dịch vụ khác do Bên B cung cấp theo yêu cầu của Bên A liên quan đến dịch vụ cấp nước.

ĐIỀU 3. SỬ DỤNG NƯỚC SINH HOẠT

3.1. Mục đích sử dụng nước

Mục đích sử dụng nước: Sinh hoạt

3.2. Hệ thống cấp nước sau đồng hồ đo nước của Bên A

3.2.1. Bên A chịu trách nhiệm lắp đặt các đường ống, thiết bị cấp nước và chịu các thiệt hại do rò rỉ, thất thoát sau đồng hồ đo nước trong quá trình sử dụng.

3.2.2. Hệ thống cấp nước sau đồng hồ của Bên A phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Thiết kế, lắp đặt bảo đảm an toàn, không gây sự cố rủi ro cho thiết bị của Bên B.
- Không đấu nối chung với đường ống có nguồn nước không phải do Bên B cung cấp.
- Không sử dụng các chủng loại vật tư có thể gây nhiễm độc vào nguồn nước sạch.
- Không lắp đặt vào các vị trí có khả năng gây ô nhiễm vào nguồn nước sạch.

3.3. Sử dụng nước

3.3.1. Bên A chỉ được sử dụng nước qua đồng hồ đo nước đã lắp đặt, không được gian lận lượng nước sử dụng bằng bất cứ hình thức nào.

3.3.2. Trường hợp chỉ số tiêu thụ trong tháng không phát sinh do không sử dụng hoặc sử dụng nhỏ hơn 01 (một) mét khối, Bên A có nghĩa vụ thanh toán các chi phí quản lý cho Bên B theo quy định nêu trong Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

4.1. Chu kỳ thanh toán

Bên A thanh toán tiền nước cho Bên B bằng tiền Việt Nam đồng theo kỳ ghi chỉ số Đồng hồ đo nước (định kỳ hàng tháng), trừ trường hợp có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2. Hóa đơn tiền nước

Hoá đơn tiền nước là hoá đơn giá trị gia tăng được lập theo quy định của pháp luật. Giá trị thanh toán trên hoá đơn bao gồm tiền nước theo đơn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định và thuế giá trị gia tăng (nếu có).

4.3. Hình thức thanh toán

4.3.1. Bên A thanh toán tiền nước cho Bên B bằng một trong các hình thức sau:

- Thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.

- Và các hình thức thanh toán khác phù hợp với quy định của pháp luật được Bên B áp dụng tại thời điểm thanh toán.

4.3.2. Bên B có trách nhiệm hướng dẫn Bên A thực hiện thanh toán tiền nước theo các hình thức thanh toán đang áp dụng.

4.4. Thời hạn thanh toán

4.4.1. Trong vòng 5 ngày, kể từ ngày ghi chỉ số Đồng hồ đo nước, Bên B tính tiền nước, các loại thuế, phí, giá dịch vụ liên quan theo khối lượng nước tiêu thụ trong kỳ ghi chỉ số và thông báo cho Bên A.

4.4.2. Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày Bên B thông báo tiền nước lần đầu trong kỳ, Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền mà Bên B thông báo bằng một trong các hình thức thanh toán tại Mục 3, trừ trường hợp có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.4.3. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán tiền nước quá một tháng so với thời hạn thanh toán được quy định trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên B.

4.4.4. Trong trường hợp Bên B thu thừa tiền nước phải hoàn trả cho Bên A khoản tiền thu thừa bao gồm cả tiền lãi của khoản thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu thừa tiền nước.

4.4.4. Tiền lãi của số tiền chậm trả hoặc thu thừa được tính bằng số tiền chậm trả/thu thừa nhân với mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng VN của Ngân hàng mà Bên bán có tài khoản ghi trong Hợp đồng công bố tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả/thu thừa, tính từ ngày quá hạn đầu tiên đến ngày thanh toán.

4.4.5. Trường hợp Bên A chuyển khoản hoặc thanh toán số tiền lớn hơn số tiền phải thanh toán do nhầm lẫn hoặc sai sót, Bên B sẽ hoàn trả phần tiền thanh toán thừa sau khi đối chiếu và xác minh thông tin. Việc hoàn trả được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được đơn đề nghị hoàn tiền từ Bên A. Khoản tiền thanh toán thừa không được coi là khoản tiền gửi, tiền đặt cọc hoặc khoản tiền Bên B huy động, do đó Bên B không có nghĩa vụ trả lãi, bồi thường thiệt hại hoặc bất kỳ khoản lợi ích nào khác đối với số tiền thanh toán thừa trong thời gian xử lý hoàn trả. Quá thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hoàn tiền hợp lệ mà Bên B chưa hoàn trả, Bên B phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm hoàn theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Quyền của Bên A

5.1.1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng.

5.1.2. Yêu cầu Bên B cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo các điều kiện về chất lượng dịch vụ đã cam kết hoặc thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

5.1.3. Yêu cầu Bên B kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố.

5.1.4. Yêu cầu Bên B giới thiệu hoặc cung cấp các văn bản, quy định về cung cấp, tiêu thụ nước sinh hoạt và các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước.

5.1.5. Yêu cầu Bên B kiểm tra chất lượng dịch vụ, kiểm tra tình trạng, tính chính xác của đồng hồ đo nước; giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ, số tiền nước phải thanh toán.

5.1.6. Khiếu nại nếu Bên B thực hiện không đúng các điều khoản Hợp đồng và các quy định của pháp luật liên quan về cung cấp, tiêu thụ nước sinh hoạt.

5.1.7. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của bên A

5.2.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền nước và các chi phí khác theo hóa đơn do Bên B lập phù hợp với quy định của pháp luật.

5.2.2. Bảo vệ các công trình, đường ống, đồng hồ đo nước và thiết bị cấp nước trên hệ thống cấp nước.

5.2.3. Thông báo kịp thời cho Bên B khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước hoặc sự bất thường của đồng hồ đo nước/máy nước…

5.2.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B ghi chỉ số đồng hồ đo nước, thay đồng hồ đo nước định kỳ và kiểm tra hệ thống cấp nước phía sau đồng hồ đo nước.

5.2.5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan do những sai sót trong quá trình sử dụng dịch vụ không đúng với các điều khoản ghi trong hợp đồng.

5.2.6. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Quyền của Bên B

6.1.1. Được vào khu vực quản lý của Bên A để ghi chỉ số, sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng đồng hồ đo nước, đường ống, thiết bị cấp nước; kiểm tra hệ thống cấp nước sau đồng hồ và việc sử dụng nước của Bên A.

6.1.2. Được yêu cầu Bên A cung cấp thông tin và phối hợp để kiểm tra hệ thống cấp nước sau đồng hồ, mục đích sử dụng nước và các vấn đề khác có liên quan.

6.1.3. Được thu hồi đồng hồ đo nước, đường ống và các vật tư khác trước đồng hồ trong các trường hợp thay thế, do hư hỏng, sự cố hoặc do Bên A không còn địa điểm, nhu cầu sử dụng nước.

6.1.4. Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật.

6.1.5. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của Bên B

6.2.1. Đảm bảo các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước đã cam kết, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6.2.2. Giải quyết các khiếu nại, kiến nghị, yêu cầu của Bên A về các vấn đề liên quan đến cung cấp, tiêu thụ nước sinh hoạt.

6.2.3. Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

6.2.4. Không chịu trách nhiệm về chất lượng nước nếu Bên A có sử dụng chung với các nguồn nước khác, lắp đặt đường ống dẫn nước sau đồng hồ không đúng quy định của pháp luật hoặc để các chất độc hại xâm nhập vào.

6.2.5. Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối bao gồm cả đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước trừ trường hợp có các thoả thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

6.2.6. Bên B có trách nhiệm kiểm tra và bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt trên hệ thống cấp nước do mình quản lý. Khi có sự cố hoặc khiếu nại của Bên A về chất lượng nước sinh hoạt được cung cấp, Bên B có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước do mình quản lý hoặc hệ thống đường ống, thiết bị sau điểm đấu nối của Bên A để xác định nguyên nhân và có phương án khắc phục sự cố. Việc tổ chức khắc phục sự cố sau điểm đấu nối do Bên A thực hiện.

6.2.7. Bên B cam kết bảo mật tuyệt đối Thông tin khách hàng và không được tiết lộ, cung cấp, chuyển giao toàn bộ hoặc một phần Thông tin khách hàng cho bất kỳ bên thứ ba nào dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp:

- Việc cung cấp thông tin là yêu cầu bắt buộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

6.2.8. Trường hợp Bên A có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, Bên B có trách nhiệm công khai, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và xử lý yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, bao gồm: địa điểm tiếp nhận, bộ phận hoặc người tiếp nhận, phương thức tiếp nhận, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục và thời hạn xử lý.

Khi nhận được yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn của Bên A, Bên B có trách nhiệm xác nhận việc đã tiếp nhận yêu cầu theo phương thức phù hợp với cách thức Bên A gửi yêu cầu; đồng thời tổ chức xử lý yêu cầu chấm dứt Hợp đồng đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn đã thông báo phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Hợp đồng được giao kết bằng phương thức điện tử, Bên B có trách nhiệm cung cấp công cụ hoặc giải pháp trực tuyến phù hợp để Bên A gửi yêu cầu và thực hiện thủ tục chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật.

Bên B không được đặt ra điều kiện, thủ tục, hồ sơ hoặc yêu cầu khác trái pháp luật nhằm gây khó khăn, cản trở hoặc hạn chế quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên A.

Trường hợp Hợp đồng hết hạn theo thỏa thuận, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về thời điểm Hợp đồng hết hạn chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày Hợp đồng chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác.

Việc chấm dứt dịch vụ theo yêu cầu của Bên A không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ thanh toán, đối soát công nợ, bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm và các quyền, nghĩa vụ khác đã phát sinh trước thời điểm Hợp đồng chấm dứt, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác và theo quy định của pháp luật.

6.2.9. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. TẠM NGỪNG DỊCH VỤ, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ SỬ DỤNG LẠI DỊCH VỤ

7.1. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước

7.1.1. Tạm ngừng dịch vụ là việc Bên B tạm ngừng cung cấp dịch vụ đối với Bên A trong một thời gian mà không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước.

7.1.2. Các trường hợp tạm ngừng dịch vụ

- Khi Bên A tạm ngừng sử dụng nước liên tục từ 01 tháng trở lên, có thông báo và yêu cầu Bên B tạm ngừng cung cấp dịch vụ.

- Khi Bên A không sử dụng nước (không có chỉ số tiêu thụ hoặc đi vắng không ghi được chỉ số đồng hồ) liên tục từ 02 đến 12 tháng mà không có thông báo cho Bên B. Trong thời gian tạm ngừng cung cấp dịch vụ, Bên A thanh toán cho Bên B các chi phí quản lý theo quy định.

Đơn vị cấp nước có thể tạm ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đấu nối nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc tạm ngừng dịch vụ cấp nước;

- Nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc tạm ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc tạm ngừng dịch vụ cấp nước.

- Để Bên B thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, lắp đặt theo kế hoạch, thời gian tạm dừng không quá 12 giờ/ngày. Bên B phải thông báo trước ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tạm ngừng cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng, về thời gian tạm ngừng cung cấp dịch vụ và thời gian cung cấp lại dịch vụ cho Bên A.

- Để Bên B khắc phục sự cố hoặc thực hiện các hoạt động đột xuất để đảm bảo an toàn vận hành cho hệ thống cấp nước. Nếu thời gian tạm ngừng kéo dài liên tục trên 4 giờ thì Bên B phải thông báo cho Bên A.

- Cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu Bên B phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ cấp nước đối với Bên A theo quy định.

7.2. Chấm dứt Hợp đồng

7.2.1. Chấm dứt Hợp đồng là việc Bên B ngừng hoàn toàn việc cung cấp dịch vụ cấp nước và chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước với Bên A.

7.2.2. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước khi hết thời hạn của hợp đồng

- Do Bên A yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước khi không còn nhu cầu sử dụng nước.

- Khi Bên A không sử dụng nước liên tục quá 12 tháng trở lên mà không thông báo cho Bên B và không thanh toán các chi phí theo quy định.

- Khi Bên B không còn điều kiện cấp nước và thông báo cho Bên A về việc chấm dứt hợp đồng.

- Cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu Bên B ngừng dịch vụ cấp nước đối với Bên A để thu hồi, giải phóng mặt bằng hoặc trường hợp khác được pháp luật quy định.

7.3. Sử dụng lại dịch vụ

7.3.1. Sử dụng lại dịch vụ trong trường hợp tạm ngừng dịch vụ.

Trường hợp Bên B đã tạm ngừng dịch vụ, Bên A nếu có nhu cầu sử dụng nước trở lại phải có đề nghị bằng văn bản, thanh toán các chi phí để khôi phục đấu nối, kiểm định lại Đồng hồ đo nước theo quy định.

7.3.2. Sử dụng lại dịch vụ trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng.

- Trường hợp Hai bên đã chấm dứt Hợp đồng, nếu Bên A có nhu cầu sử dụng nước trở lại thì phải giải quyết các tồn tại của hợp đồng cũ với Bên B và làm thủ tục để đấu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước mới.

- Trình tự, thủ tục đấu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước mới theo các quy trình, quy định do Bên B ban hành và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. ĐO ĐẾM KHỐI LƯỢNG NƯỚC

8.1 Đồng hồ đo nước

Đồng hồ đo nước do Bên B lắp đặt để đo đếm lượng nước sử dụng của Bên A. Bên B đảm bảo các đồng hồ đo nước đã lắp đặt phù hợp tiêu chuẩn đo lường do pháp luật quy định và được Bên B bảo dưỡng, kiểm định định kỳ.

8.2 Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước và trách nhiệm quản lý bảo vệ

8.2.1 Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước được thống nhất giữa Bên A và Bên B đảm bảo thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, bảo vệ, kiểm tra, ghi chỉ số, sửa chữa và bảo dưỡng đồng hồ.

8.2.2 Bên A có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ đo nước, đường ống, phụ tùng, thiết bị cấp nước sau điểm đấu nối của mình. Khi phát hiện đồng hồ đo nước, đường ống, phụ tùng, thiết bị cấp nước sau điểm đấu nối bị mất, hư hỏng Bên A phải thông báo ngay cho Bên B để kiểm tra, khắc phục.

8.2.3 Bên A không được tự ý thay thế, sửa chữa, di chuyển đường ống, phụ tùng, thiết bị cấp nước trước đồng hồ. Mọi trường hợp thay thế, sửa chữa, di chuyển trước đồng hồ do Bên B thực hiện và:

(i) Nguyên nhân xuất phát từ Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, thay thế, di chuyển trước đồng hồ và tiếp tục cấp nước cho Bên A.

(ii) Nguyên nhân xuất phát từ Bên A thì Bên A phải có trách nhiệm hoàn trả cho Bên B toàn bộ các chi phí và thiết hại thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, thay thế, di chuyển trước đồng hồ.

8.3 Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

8.3.1 Bên B tổ chức ghi chỉ số đồng hồ đo nước để tính tiền nước cho Bên A mỗi tháng một (01) lần, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Hình thức ghi chỉ số đồng hồ được áp dụng linh hoạt theo mọi đồng hồ đo nước lắp đặt. Bên A có thể đăng ký và tự thực hiện việc ghi chỉ số đồng hồ đo nước theo chính sách của Bên B.

8.3.2 Lịch ghi chỉ số đồng hồ đo nước do Bên B quy định phù hợp theo từng khu vực cấp nước, Bên A có trách nhiệm khắc phục ngay các trở ngại cho việc ghi chỉ số đồng hồ đo nước của Bên B. Trường hợp Bên B không được ghi chỉ số do Bên A có trở ngại khách quan chưa thể khắc phục ngay thì có thể ghi vào ngày khác hoặc lùi lại đến tháng kế tiếp.

8.3.3 Trường hợp đồng hồ đo nước không phản ánh đúng do sự cố kỹ thuật hoặc lý do khách quan khác thì lượng nước sử dụng của Bên A tính theo lượng nước sử dụng trung bình của ba (03) tháng ổn định liền trước khi có sự cố hoặc theo thoả thuận của hai Bên.

8.4 Thay thế, xử lý sự cố đồng hồ đo nước

8.4.1 Đồng hồ đo nước được thay thế trong các trường hợp đến hạn theo chính sách của Bên B phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định của pháp luật hoặc được thay thế, sửa chữa do bị mất, hư hỏng trong quá trình sử dụng.

8.4.2 Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ các chi phí thay thế hoặc sửa chữa đồng hồ đo nước lắp đặt trong khu vực quản lý của mình trong các trường hợp bị mất, hư hỏng mà không phải do lỗi kỹ thuật gây ra.

8.5 Khiếu nại về việc đo đếm khối lượng nước

8.5.1 Khi nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ đo nước, Bên A có thể khiếu nại bằng văn bản đến Bên B. Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận khiếu nai, Bên B có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của Bên A theo các quy định hiện hành.

8.5.2 Bên B có quyền yêu cầu kiểm tra, kiểm định lại đồng hồ đo nước khi có dấu hiệu bị kẹt, hư hỏng, trì niêm phong không còn nguyên vẹn hoặc dấu hiệu không bình thường khác. Bên A phải phối hợp với Bên B để kiểm định đồng hồ khi có yêu cầu.

8.5.3 Việc cấp nước trong thời gian đưa đồng hồ đo nước đi kiểm định do hai Bên thoả thuận. Bên B được quyền tạm ngừng cấp nước nếu Bên A không phối hợp để kiểm tra, kiểm định lại đồng hồ theo thời gian đã thống nhất.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI

9.1. Khi pháp luật có quy định mới khác với hợp đồng này hoặc yêu cầu phải sửa đổi, thay thế mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước, Bên B có trách nhiệm sửa đổi mẫu hợp đồng cho phù hợp và Bên A có trách nhiệm thực hiện ký kết lại hợp đồng theo yêu cầu của Bên B.

9.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi một trong hai Bên có yêu cầu để thay đổi, bổ sung các thông tin, nội dung liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì hai bên thỏa thuận bằng biên bản, bằng phụ lục hợp đồng hoặc ký kết lại hợp đồng.

9.3. Khi chuyển giao chủ thể sử dụng nước, Bên A phải thông báo và yêu cầu chủ thể mới làm thủ tục sang tên, ký lại hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ khi chuyển giao. Trong thời gian khách hàng sử dụng nước tiếp theo chưa ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước thì Bên A vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước, chấp hành các quy định về cung cấp, sử dụng nước, bảo vệ công trình nước hiện hành.

9.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. HÌNH THỨC THÔNG BÁO, TRAO ĐỔI THÔNG TIN

10.1. Phương thức thông báo và trao đổi thông tin của Bên B

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B được quyền sử dụng một hoặc nhiều phương thức sau đây để gửi cho Bên A các thông báo thanh toán và các thông báo, trao đổi thông tin khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ Cung cấp nước sinh hoạt, bao gồm thông báo về thay đổi lịch ghi chỉ số Đồng hồ đo nước, chậm thanh toán, cấp nước không ổn định, tạm ngừng cung cấp dịch vụ, thay thế Đồng hồ đo nước, điều chỉnh quy trình phục vụ và các nội dung khác có liên quan:

a) Thư điện tử (email);

b) Điện thoại và/hoặc tin nhắn SMS;

c) Ứng dụng nhắn tin điện tử, bao gồm Zalo, WhatsApp hoặc ứng dụng tương tự khác;

d) Ứng dụng dành cho khách hàng của Bên B;

đ) Văn bản giấy gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ liên hệ của Bên A ghi nhận tại Hợp đồng;

e) Các phương thức thông báo hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên B áp dụng thêm phương thức thông báo mới ngoài các phương thức nêu trên thì Bên B phải thông báo cho Bên A về phương thức thông báo mới trước khi áp dụng

10.2. Trách nhiệm của Bên B trong việc gửi thông báo

a) Gửi thông báo, trao đổi thông tin đến Bên A theo thông tin liên hệ do Bên A cung cấp và được ghi nhận tại Hợp đồng hoặc theo thông tin liên hệ mới do Bên A thông báo bằng văn bản, thư điện tử (email), ứng dụng điện tử hoặc phương thức khác được Bên B chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật và đã dược coi là thông báo hợp lệ, thành công theo quy định tại điểm 10.5.1 và 10.5.2;

b) Bảo đảm nội dung thông báo rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với từng sự việc phát sinh và được gửi trong thời hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật;

c) Lựa chọn phương thức thông báo phù hợp với điều kiện tiếp nhận thông tin của Bên A trên cơ sở thông tin mà Bên A đã đăng ký;

10.3. Trách nhiệm của Bên A trong việc tiếp nhận thông báo

Bên A có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên hệ phục vụ cho việc gửi, nhận thông báo và trao đổi thông tin, bao gồm tối thiểu: họ và tên người liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có), địa chỉ liên hệ.

b) Phối hợp với Bên B trong việc lựa chọn và sử dụng một hoặc nhiều phương thức thông báo, trao đổi thông tin phù hợp với điều kiện thực tế của Bên A;

c) Chủ động kiểm tra, tiếp nhận các thông báo do Bên B gửi qua các phương thức đã được các Bên thống nhất hoặc Bên A đã đăng ký;

d) Thông báo kịp thời cho Bên B về mọi thay đổi đối với thông tin liên hệ;

đ) Chịu trách nhiệm về hậu quả phát sinh do việc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác, không còn hiệu lực hoặc không cập nhật kịp thời thông tin liên hệ cho Bên B.

Trường hợp Bên A không có hoặc không sử dụng email, ứng dụng nhắn tin điện tử, ứng dụng dành cho khách hàng hoặc các phương thức điện tử khác, Bên B thực hiện thông báo thông qua số điện thoại, địa chỉ liên hệ của Bên A ghi nhận tại Hợp đồng.

10.4. Phương thức Bên A gửi thông báo, đề nghị, yêu cầu, phản ánh, khiếu nại, kiến nghị đến Bên B

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A được quyền gửi thông báo, đề nghị, yêu cầu, phản ánh, khiếu nại, kiến nghị hoặc các thông tin khác liên quan đến Hợp đồng và việc sử dụng dịch vụ Cung cấp nước sinh hoạt cho Bên B thông qua một hoặc nhiều phương thức sau đây:

a) Gửi trực tiếp tại trụ sở hoặc điểm giao dịch của Bên B;

b) Gọi đến Tổng đài của Bên B theo số: 0906 027 187;

c) Gửi thư điện tử đến địa chỉ email: info@annguyenhp.com.vn;

d) Gửi thông qua ứng dụng dành cho khách hàng của Bên B hoặc các phương thức hợp pháp khác do Bên B công bố trong từng thời kỳ.

e) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Bên B có trách nhiệm tiếp nhận, ghi nhận và xử lý các đề nghị, yêu cầu, phản ánh, khiếu nại , kiến nghị của Bên A theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn do Bên B công bố phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo quy định của pháp luật.

10.5. Hiệu lực của thông báo

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, thông báo, trao đổi thông tin của Bên B được xem là hợp lệ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều này; và

b) Được gửi đến đúng thông tin liên hệ của Bên A đã ghi nhận tại Hợp đồng hoặc theo thông tin liên hệ mới do Bên A thông báo bằng văn bản, thư điện tử (email), ứng dụng điện tử hoặc phương thức khác được Bên B chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật và đã được coi là thông báo hợp lệ, thành công theo quy định tại điểm 10.5.1 và 10.5.2 .

10.5.1. Thời điểm thông báo được xem là đã gửi hợp lệ, thành công được xác định như sau:

a) Đối với thư điện tử (email: tại thời điểm hệ thống của Bên B ghi nhận đã gửi thành công đến địa chỉ email do Bên A đăng ký;

b) Đối với SMS hoặc ứng dụng nhắn tin điện tử: tại thời điểm hệ thống gửi tin nhắn của Bên B ghi nhận tin nhắn đã được gửi đến số điện thoại hoặc tài khoản liên lạc do Bên A đăng ký;

c) Đối với cuộc gọi điện thoại: tại thời điểm Bên B thực hiện cuộc gọi đến số điện thoại do Bên A đăng ký và có nhật ký cuộc gọi hoặc dữ liệu hệ thống chứng minh việc thực hiện cuộc gọi;

d) Đối với ứng dụng dành cho khách hàng của Bên B: tại thời điểm thông báo được hiển thị trên tài khoản của Bên A;

đ) Đối với văn bản giấy giao trực tiếp: tại thời điểm Bên A hoặc người nhận hợp lệ tại địa chỉ liên hệ ký xác nhận đã nhận;

e) Đối với văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính: tại thời điểm có xác nhận phát thành công hoặc theo dữ liệu phát của đơn vị chuyển phát.

Việc Bên A không đọc, không kiểm tra, không phản hồi, từ chối nhận hoặc không tiếp nhận được thông báo do lỗi từ phía Bên A, hoặc do Bên A không cập nhật kịp thời thông tin liên hệ, không làm ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của thông báo đã được Bên B gửi đúng theo quy định tại Điều này.

10.5.2. Thời điểm thông báo của Bên A được xem là đã gửi hợp lệ

Thông báo của Bên A được coi là đã gửi hợp lệ khi được Bên B tiếp nhận thông qua một trong các phương thức liên hệ được Bên B công bố hoặc ghi nhận trong Hợp đồng, cụ thể như sau:

a) Đối với văn bản giấy giao trực tiếp: kể từ thời điểm Bên B hoặc người được Bên B ủy quyền ký xác nhận đã nhận;

b) Đối với thư điện tử (email): tại thời điểm hệ thống của Bên A ghi nhận đã gửi thành công đến địa chỉ email do Bên B cung cấp;

c) Đối với cuộc gọi điện thoại: tại thời điểm Bên A thực hiện cuộc gọi đến số điện thoại do Bên B cung cấp;

d) Đối với các phương thức điện tử khác: kể từ thời điểm hệ thống của Bên A ghi nhận đã gửi thành công;

e) Đối với văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính: tại thời điểm có xác nhận phát thành công hoặc theo dữ liệu phát của đơn vị chuyển phát.

Trường hợp Bên A gửi thông báo không đúng địa chỉ, số điện thoại, email hoặc phương thức liên hệ không đúng quy định của Hợp đồng thì thông báo đó không được coi là đã gửi hợp lệ.

10.6. Cập nhật và thay đổi thông tin liên hệ

Khi có thay đổi về số điện thoại, email, địa chỉ liên hệ, người liên hệ hoặc thông tin khác liên quan đến việc gửi, nhận thông báo, bên có thay đổi phải thông báo cho bên còn lại trong thời hạn sớm nhất có thể và không muộn hơn thời điểm phát sinh giao dịch hoặc yêu cầu liên quan cần sử dụng thông tin đó, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

Mọi rủi ro, thiệt hại, chi phí hoặc tranh chấp phát sinh do một bên không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời về việc thay đổi thông tin liên hệ thì bên vi phạm nghĩa vụ cập nhật thông tin phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

10.7. Lưu trữ và giá trị chứng minh

Dữ liệu, nhật ký hệ thống, bản ghi điện tử, thông tin hiển thị trên ứng dụng, dữ liệu cuộc gọi, dữ liệu gửi nhận email, tin nhắn, chứng từ chuyển phát hoặc tài liệu khác do mỗi bên lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật có thể được sử dụng làm căn cứ chứng minh việc gửi, nhận thông báo và trao đổi thông tin giữa các Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

10.8. Trường hợp pháp luật có quy định riêng

Đối với các thông báo mà pháp luật quy định bắt buộc phải được lập thành văn bản, phải gửi theo phương thức cụ thể hoặc phải đáp ứng điều kiện, trình tự, thủ tục riêng, các Bên có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; khi đó, quy định của pháp luật được ưu tiên áp dụng.

Bên B có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra nội dung yêu cầu và phản hồi kết quả xử lý cho Bên A trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết. Trường hợp nội dung yêu cầu cần xác minh hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc. Việc phản hồi được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử, tin nhắn hoặc các hình thức khác theo thông tin liên hệ do Bên A cung cấp

ĐIỀU 11. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

a) Do chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định;

c) Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế;

d) Do bên thứ ba làm hư hỏng, ngưng trệ hệ thống cấp nước của Bên B mà ko phải lỗi của bên B.

11.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong thời gian chậm nhất là 07 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trường hợp có tài liệu chứng minh sự kiện bất khả kháng thì Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm cung cấp cho Bên kia khi được yêu cầu, để hai Bên cùng hợp tác khắc phục và các bên tự chịu trách nhiệm về các thiệt hại trong phạm vi quản lý của mình do ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng gây ra. Nếu do hậu quả trực tiếp của trường hợp bất khả kháng mà một Bên không thể thực hiện được toàn bộ hoặc một phần các nghĩa vụ của mình theo các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt thì được xem như không vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng trong thời gian, phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra và sẽ không phải chịu trách nhiệm cho các thiệt hại của việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ này của mình. Nếu trường hợp bất khả kháng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt thì các Bên thông báo và thống nhất quyết định việc chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VI PHẠM

12.1. Nếu một trong hai Bên vi phạm các trách nhiệm, nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng thì Bên còn lại được đơn phương tạm ngừng thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng, yêu cầu Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại do việc vi phạm gây ra cho Bên bị vi phạm căn cứ theo mức độ vi phạm, thiệt hại thực tế, các quy định về cung cấp, sử dụng nước hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan. Khi xảy ra trường hợp vi phạm hợp đồng, hai Bên sẽ thỏa thuận giải quyết theo nội dung vi phạm thực tế, phù hợp với các quy định của pháp luật.

12.2. Khi phát sinh tranh chấp về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ cấp nước, hai Bên căn cứ Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt, các phụ lục kèm theo và các quy định của pháp luật để thương lượng giải quyết. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, nếu không thương lượng được thì các Bên có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ..... và:

☐ Đến khi chấm dứt Hợp đồng theo yêu cầu của Một Bên.

☐ Có thời hạn ..... năm hoặc đến ngày .....

2. Hợp đồng này có ..... điều, với ..... trang, được lập thành ..... bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên mua giữ ..... bản, Bên bán giữ ..... bản.

3. Các phụ lục đính kèm hợp đồng này và các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản theo thỏa thuận của hai bên là nội dung không tách rời hợp đồng này và có hiệu lực thi hành đối với hai bên.

4. Trong trường hợp các bên thỏa thuận thay đổi nội dung của hợp đồng này thì phải lập bằng văn bản có chữ ký của cả hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1
CÁC THÔNG TIN CỦA BÊN A VÀ BÊN B

I. Thông tin của Bên A

1. Mục đích sử dụng nước sinh hoạt (đô thị/nông thôn) và nhóm giá áp dụng đối với Bên A

Lần đăng ký	Ngày	Sinh hoạt		Giá áp dụng (vnđ/m3)
		Đô thị	Nông thôn	
Đăng ký lần đầu				
Điều chỉnh lần 1				
Điều chỉnh lần 2				

* **Chú thích 1:** *Thông tin ghi tại Mục này là thông tin tại thời điểm ký Hợp đồng, được sử dụng để tính giá nước sinh hoạt cho Bên A theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giá nước sạch của Bên B. Thông tin này có thể được thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi có sự thay đổi phải có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Hai Bên.*

2. Thông tin về đấu nối

Địa điểm sử dụng dịch vụ cấp nước của Bên A: .....

Vị trí điểm đấu nối: .....

Đồng hồ đo nước: D..... ; loại .....

Số seri đồng hồ: .....

Vị trí lắp đặt đồng hồ: .....

Số biên bản nghiệm thu/lắp đặt (nếu có): .....

Sơ đồ mặt bằng đấu nối: .....

* **Chú thích 2:** *Thông tin ghi tại Mục này là các thông tin tại thời điểm ký Hợp đồng. Các thông tin này có thể được thay đổi, điều chỉnh khi thay thế, di chuyển đồng hồ đo nước trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Khi có sự thay đổi phải có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Hai Bên.*

II. Thông tin của Bên B

Thông tin liên hệ của Bên B

Chức năng, dịch vụ	Bộ phận phụ trách	Số điện thoại	Thời gian làm việc
Kỹ thuật	P. Kỹ thuật		Giờ HC/5 ngày
Ghi số, Thu tiền, Tư vấn, giải quyết các vấn đề khác	P. Kinh doanh		Giờ HC/5 ngày

* **Chú thích 2:** *Thông tin ghi tại Mục này là các thông tin tại thời điểm ký Hợp đồng. Các thông tin này có thể được thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Khi có sự thay đổi về thông tin tại mục này thì Bên B phải thông báo cho Bên A phù hợp với quy định tại Điều 9 Hợp đồng này.*

PHỤ LỤC 2

CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM HỢP ĐỒNG

I. Đối với Bên A

1. Thanh toán tiền nước không đúng thời hạn.

2. Sử dụng nước không đúng mục đích đã đăng ký và không thông báo cho Bên B khi thay đổi mục đích sử dụng để tính lại giá nước.

3. Cho, bán lại nước bằng cách đấu nối vào hệ thống cấp nước sau đồng hồ, chờ bằng các phương tiện, các dụng cụ chứa mà không được sự đồng ý của Bên B.

4. Cố ý làm hư hỏng, mất đồng hồ đo nước, đường ống và các phụ tùng liên quan hoặc không thông báo ngay cho Bên B khi đồng hồ đo nước, đường ống và các phụ tùng liên quan bị hư hỏng, mất do sự cố khách quan hoặc bên thứ ba gây ra.

5. Tự ý di chuyển, sửa chữa, thay thế đối với đồng hồ đo nước, đường ống và các phụ tùng liên quan.

6. Cản trở, đe dọa, hành hung nhân viên của Bên B thực hiện nhiệm vụ ghi số đồng hồ, thu tiền, bảo dưỡng, sửa chữa đồng hồ đo nước, đường ống, kiểm tra hệ thống cấp nước sau đồng hồ và các nhiệm vụ khác.

7. Gian lận khối lượng nước sử dụng bằng các hình thức đấu nối vào đường ống cấp nước trước đồng hồ; tháo đồng hồ, van, phụ tùng để lấy nước không qua đồng hồ; tác động nhằm làm sai lệch hoạt động đo đếm của đồng hồ;

8. Lắp đặt đường ống dẫn nước sau đồng hồ không đảm bảo điều kiện quy định tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

9. Tác động nhằm vô hiệu các biện pháp tạm ngừng dịch vụ cấp nước của Bên B đang thực hiện đối với Bên A.

10. Các trường hợp khác khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.

II. Đối với Bên B

1. Cung cấp nước không đảm bảo chất lượng theo quy định gây hậu quả đến sức khỏe người sử dụng nước.

2. Trì hoãn khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước mà không thuộc trường hợp bất khả kháng, gây thiệt hại cho Bên A.

3. Lắp đặt đồng hồ đo nước không đảm bảo tiêu chuẩn đo lường do cố ý để gian lận lượng nước cung cấp cho Bên A.

4. Ghi sai chỉ số đồng hồ, tính sai lượng nước tiêu thụ của Bên A do cố ý để gian lận tiền nước.

5. Ngừng cấp nước theo kế hoạch không thông báo hoặc không đúng thời điểm đã thông báo mà không thuộc trường hợp bất khả kháng, gây thiệt hại cho Bên A.

6. Không kiểm tra, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của Bên A theo quy định mà không thuộc trường hợp bất khả kháng, gây thiệt hại đối với Bên A.

7. Các trường hợp khác khác theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục kèm theo và quy định của pháp luật.